TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2018
V/v ly hôn giữa chị N và anh Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Tuấn Anh.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Quốc Mậu.

2. Ông Phạm Văn Cầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST - HNGĐ ngày 10-5-2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-6-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Bích N - sinh năm 1988.

Trú tại: Số 47 Hàng Thao, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ - sinh năm 1987

ĐKHKTT tại: Thôn Trại Nội, xã Thành Lợi, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị N; anh Đ vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10-5-2018, bản tự khai 11-5-2018, các biên bản làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Bích N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định vào ngày 26-3-2014. Sau đó được gia đình chị và gia đình anh Đ làm lễ cưới theo

phong tục tai địa phương. Sau ngày cưới anh chị sống hạnh phúc được gần 03 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống có xảy ra va chạm dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Chị và anh Đ chính thức sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, kể từ thời điểm anh chị kết hôn thời gian chung sống với nhau không được nhiều nên không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa. Vậy nay chị N xin ly hôn với anh Đ.

Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Minh T; sinh ngày 13-10-2015. Từ thời điểm chị N sinh cháu T ra đến nay đều 01 tay chị nuôi dưỡng, anh Đ không quan tâm, không có trách nhiệm gì đối với con. Nay ly hôn chị N xin được nuôi dưỡng cháu T.

Về tài sản, công nợ và nội dung khác liên quan: Chị và anh Đ không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn Đ: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ đến làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13-6-2018, ông Bùi Văn Tiến – bố của anh Bùi Văn Đ trình bày như sau: Thông qua chị N và những văn bản Tòa án gửi cho anh Đ nên anh Đ biết được việc chị N xin ly hôn với anh nhưng vì lý do cá nhân anh Đ không đến Tòa án làm việc được. Theo ông Tiến, trong quá trình anh Đ và chị N chung sống với nhau ông nhận thấy tính tình 02 người không hợp nhau, nay chị N xin ly hôn thì việc ly hôn giữa chị và anh Đ là do anh chị ấy tự quyết định, ông không có ý kiến gì; trong quá trình chung sống chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Bùi Minh T, sinh ngày 13-10-2015, hiện nay cháu T đang sinh sống cùng chị N. Nay ly hôn chị N nhận nuôi con, gia đình ông không có ý kiến gì, nếu sau này chị N không có khả năng tiếp tục nuôi cháu T thì chị N đưa về cho gia đình ông nuôi dưỡng.

Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 13-6-2018 tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, địa phương cung cấp như sau: Sau khi kết hôn chị N và anh Đ chỉ sống tại địa phương trong thời gian ngắn sau đó chị N ra thành phố Nam Định sinh sống nên địa phương không nắm bắt được mâu thuẫn gia đình của anh chị ấy; con chung của chị N và anh Đ là cháu Bùi Minh T; sinh ngày 13-10-2015 không khai sinh tại địa phương, hiện nay cháu T đang sinh sống cùng chị N.

Tại đơn xin xác nhận ngày 13-6-2018: Phòng Cảnh sát giao thông Đường bộ - Đường sắt Công an tỉnh Nam Định xác nhận chị Trần Bích N hiện nay đang công tác tại Phòng PC67; chức vụ: Thượng úy; mức lương hưởng: 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Bích N và anh Bùi Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Bùi Minh T; sinh ngày 13-10-2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên đại diện VKS không có ý kiến gì.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Bích N và anh Bùi Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định vào ngày 26-3-2014. Như vậy cuộc hôn nhân của chị N, anh Đ là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tình trạng hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời khai của đương sự về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống có xảy va chạm với nhau. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị N và anh Đ không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo về hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình của chị N và anh Đ đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Bùi Minh T; sinh ngày 13-10-2015, hiện nay cháu T đang sinh sống ổn định cùng chị N. Hội đồng xét xử xét thấy chị N có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định vì vậy đảm bảo chăm lo cho cuộc sống của cháu T. Như vậy nên chấp nhận nguyện vọng của chị N giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Bích N và anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh T; sinh ngày 13-10-2015 (hiện nay đang sinh sống cùng chị N) cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N.

Chị Trần Bích N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bàn án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trần Bích N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số

BB/2012/09792 ngày 10-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tuấn Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Phạm Tuấn Anh

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tuấn Anh